

Bản án số: 09/2026/HS-ST

Ngày: 07-01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Việt

2. Bà Thị Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Đoàn Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 1828/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 7759/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu P; Sinh ngày 17/3/1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: thợ kim hoàn; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Hồng B; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị can bị bắt tạm giam ngày 04/4/2024; tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Bị hại: Ông Huỳnh Tân P1

Nơi cư trú: 13/4 ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Người bào chữa: Ông Lâm Quốc V, luật sư của Văn phòng luật sư VT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Hữu P. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng bạc và đá quý HP, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân số 0314401981 do Phòng Đăng ký kinh

doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/5/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/12/2022, có trụ sở chính tại địa chỉ số 13/4 ấp Trung Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, do ông Huỳnh Tấn P1, đứng tên chủ doanh nghiệp.

Vào tháng 10/2018, ông Huỳnh Tấn P1 thuê Nguyễn Hữu P làm việc tại tiệm vàng HP nhưng hai bên không lập hợp đồng với nhau. Tại đây, P được giao đảm nhận công việc làm thợ kim hoàn, gia công vàng thô (vàng đỏ 610 và vàng trắng 750) thành sản phẩm để bán cho khách hàng. Đến năm 2021, do nhu cầu mở rộng kinh doanh nên ông P1 mở riêng một xưởng gia công tách biệt ra khỏi tiệm vàng HP tại địa chỉ số 34/5 ấp Trung Lân 4, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh và giao cho P quản lý mọi hoạt động tại xưởng gia công vàng này. Quá trình làm việc, do khách hàng đông và một số khách quen muốn P là người trực tiếp gia công, chế tác vàng theo yêu cầu của họ nên P đã báo lại cho ông P1 và được ông P1 đồng ý cho P thực hiện gia công vàng theo yêu cầu của khách hàng. Phần vàng thô để gia công thì ông P1 là người đứng ra thu mua từ khách hàng rồi bàn giao lại cho P.

Quy trình giao nhận vàng thô chưa qua chế tác giữa ông P1 và P, như sau: bên giao hàng sẽ do trực tiếp ông P1 hoặc nhân viên khác của tiệm vàng là chị Nguyễn Thị Nhung đến xưởng tại địa chỉ 34/5 ấp Trung Lân 4, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để giao. Tại đây, P sử dụng một chiếc cân tiểu ly rồi bắt đầu phân loại vàng, gồm hai loại: Vàng đỏ 610 và vàng trắng 750 chưa qua chế tác, sau đó chia ra để cân làm nhiều lần khác nhau nhằm xác định khối lượng vàng cụ thể đối với từng loại. Trong những lần cân vàng như trên, bắt buộc phải có sự tham gia của P để cùng chứng kiến, xác nhận. Thực hiện cân vàng xong thì P ký xác nhận vào cuốn sổ hai bên với nhau với nội dung ghi nhận thời gian, số lượng vàng bàn giao.

Đến cuối năm 2022, ông P1 liên hệ P đối chiếu sổ sách giao nhận vàng, qua đó xác nhận P đang giữ số vàng thô của ông P1 gồm: Vàng đỏ 610 chưa qua chế tác là 14 lượng 08 chỉ 07 phân 08 li, vàng trắng 750 chưa qua chế tác là 21 lượng 06 chỉ 09 phân 01 li. Sau đó, ông P1 giao cho P tiếp tục quản lý số vàng trên để thực hiện gia công, chế tác cho khách hàng.

Trong thời gian từ ngày 30/01/2023 đến ngày 29/10/2023, giữa ông P1 và P đã thực hiện tổng cộng 61 lần giao nhận vàng thô và thành phẩm với nhau. Qua sổ sách ký nhận, xác định vào khoảng thời gian trên, số lượng vàng chưa qua chế tác còn dư mà P đang giữ của ông P1 là 33 lượng 08 chỉ 01 phân 05 li loại vàng đỏ 610 và 35 lượng 02 chỉ 07 phân 02 li loại vàng trắng 750.

Cũng trong thời gian này, vào các ngày 09/9/2023, 17/9/2023, 14/10/2023, 24/10/2023, 29/10/2023, 02/11/2023, 04/11/2023, P đến tiệm vàng Kim Thành Mẫn tại địa chỉ 1362 đường Tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh gặp anh Đoàn Ngọc Phúc để bán một phần số lượng vàng thô còn dư (không xác định cụ thể khối lượng, loại vàng trong mỗi lần bán. Anh Phúc sử dụng tài khoản số 1023935009, mở tại Ngân hàng Vietcombank để thực hiện 07 lượt

chuyển khoản thanh toán tiền mua vàng vào tài khoản số 060284154412, mở tại Ngân hàng Sacombank do P đứng tên với tổng số tiền 549.550.000 đồng và nhiều lần đưa trực tiếp tiền mặt cho P nhưng anh Phúc và P không nhớ số tiền cụ thể. Số vàng sau khi mua của P, anh Phúc đã dùng vào việc chế tác và bán cho khách hàng đến mua.

Đến ngày 29/10/2023, P mang theo toàn bộ số lượng vàng chưa qua chế tác còn lại bỏ trốn qua nhiều nơi khác nhau trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Long An, tỉnh Bình Dương và tìm thêm nhiều tiệm vàng khác nhau để bán dần số lượng vàng đã chiếm đoạt nhưng P không nhớ rõ địa chỉ nơi bán cũng như số lượng đã bán và tiền bán vàng của từng lần là bao nhiêu.

Ngày 08/11/2023, ông Huỳnh Tấn P1 P1 hiện sự việc Nguyễn Hữu P không đến xưởng làm việc và không liên lạc được. Đến ngày 15/11/2023, ông P1 không thấy P quay về làm việc nên đến Công an huyện Hóc Môn trình báo sự việc.

Sau khi tiếp nhận tin báo tố giác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn ra Thông báo truy tìm Nguyễn Hữu P. Đến ngày 01/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn phát hiện Nguyễn Hữu P đang lẩn trốn tại khu vực chợ thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên đưa về trụ sở làm việc.

Ngày 04/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, thực hiện Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Hữu P.

Ngày 23/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn ra Quyết định chuyển vụ án hình sự để điều tra theo thẩm quyền chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết luận định giá: Tại Bản kết luận định giá tài sản số 114/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hóc Môn xác định tổng giá trị của hai loại vàng 610 và 750 mà Nguyễn Hữu P đã chiếm đoạt trong vụ án trên trên có trị giá vào thời điểm ngày 08/11/2023 là 2.669.085.708 đồng.

Kết quả giám định: Tại Bản Kết luận giám định số 4635/K1-KTHS ngày 21/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định:

“Ở trang 1: từ số 4 đến số 8 ở trang 2; số 12 ở trang 3; số 14, 15 ở trang 4; số 16, 17, 18 ở trang 5; số 21, 22 ở trang 4 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.

+ Đánh số 1 ở trang 1; số 4, 4 ở trang 2; số 10 ở trang 3; số 14 ở trang 4; số 15, 16, 17 ở trang 5; số 19, 20, 22 ở trang 4 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2.

So với chữ ký của Nguyễn Hữu P trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người ký ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký có dấu khoang tròn:

+ Đánh số 9 ở trang 2; số 10, 11 ở trang 3; số 13 ở trang 4; số 19, 20 ở trang 5; số 23 ở trang 4 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.

+ Đánh số 2, 3 ở trang 1; số 5 ở trang 2; số 7, 8, 9, 11 ở trang 3; số 12, 13 ở trang 4; số 18 ở trang 5; số 21 ở trang 4 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2.

So với chữ ký của Nguyễn Hữu P trên tài liệu mẫu so sánh lý hiệu M có phải do cùng một người ký ra hay không”.

- Sao kê tài khoản 1023935009 do anh Đoàn Ngọc Phúc đứng tên mở tại Ngân hàng Vietcombank và tài khoản số 060284154412, mở tại Ngân hàng Sacombank của Nguyễn Hữu P. Đối chiếu 02 kết quả sao kê xác định anh Phúc đã nhiều lần chuyển tiền cho P tổng cộng số tiền 549.550.000 đồng, phù hợp lời khai của 02 bên.

- Kết quả rà soát camera: tại tiệm vàng HP có camera ghi nhận việc ông P1 giao vàng thô cho P (đã trích xuất), kết quả kiểm tra nội dung camera có thể hiện việc giao nhận vàng thô nêu trên, đã cho bị can P xem và ký xác nhận.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Hữu P đã khai nhận việc lợi dụng sự tin tưởng của ông Huỳnh Tân P1 (chủ tiệm vàng HP), P đã lấy 33 lượng 08 chỉ 01 phân 05 li loại vàng đỏ 610 và 35 lượng 02 chỉ 07 phân 02 li loại vàng trắng 750, là vàng được giao để chế tác bỏ trốn đi ở nhiều nơi khác nhau; sau đó đem vàng đi bán ở nhiều nơi, sử dụng vào việc trả nợ cho nhiều người (không rõ lai lịch) và đánh bạc (hình thức bài cào) trên mạng dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho ông P1.

Đối với 33 lượng 08 chỉ 01 phân 05 li loại vàng đỏ 610 và 35 lượng 02 chỉ 07 phân 02 li loại vàng trắng 750 do Nguyễn Hữu P bán ở nhiều nơi khác nhau, không nhớ nơi bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ: 02 cuốn sổ ghi chép quá trình giao nhận vàng thô chưa chế tác giữa ông Huỳnh Tấn P1 và Nguyễn Hữu P (đính kèm hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Ông Huỳnh Tấn P1 yêu cầu bị can Nguyễn Hữu P bồi thường số tiền 2.669.085.708 đồng. Bị cáo P chưa bồi thường.

Cáo trạng số 227/CT-VKS-P2 ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Hữu P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố và đồng ý bồi thường số tiền 2.669.085.708 đồng cho bị hại.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 4 Điều 175;

điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 14 đến 16 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 2.669.085.708 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Người bào chữa không có ý kiến gì về tội danh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, chăm chỉ làm việc nên được sự tin tưởng của bị hại; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do vậy đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận.

Bị hại trình bày: Yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.669.085.708 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp. Người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai nhận: Bị cáo là thợ kim hoàn, được ông Huỳnh Tấn P1 thuê làm gia công vàng cho ông P1 (chủ tiệm vàng HP), hai bên không ký hợp đồng lao động. Bị cáo nhận vàng thô từ ông P1 hoặc chị Nguyễn Thị Nhung sau khi chế tác vàng thành phẩm thì giao lại cho ông P1 hoặc chị Nhung; khi giao nhận các bên có ký nhận. Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023 bị cáo đã bán **33 lượng 08 chỉ 01 phân 05 li** loại vàng đỏ 610 và **35 lượng 02 chỉ 07 phân 02 li** loại vàng trắng 750 lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, không có khả năng hoàn trả nên cắt liên lạc với ông P1. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp như 02 cuốn sổ ghi chép quá trình giao nhận vàng giữa bị cáo và bị hại, trích xuất camera ghi nhận việc giao nhận vàng giữa bị cáo và bị hại, phù hợp với các tài liệu khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng sự tin tưởng của ông Huỳnh Tấn P1 khi ông P1 giao vàng cho bị cáo gia công; bị cáo Nguyễn Hữu P đã mang vàng của ông P1 đi bán lấy tiền tiêu xài và đánh bạc. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 114/KL-HĐĐGTS ngày 04/4/2024, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hóc Môn xác định tổng giá trị của hai loại vàng

610 và 750 mà Nguyễn Hữu P đã chiếm đoạt trong vụ án trên trên có trị giá vào thời điểm ngày 08/11/2023 là 2.669.085.708 đồng.

Hành vi trên của bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo đã nhiều lần mang vàng của ông Huỳnh Tấn P1 đi bán nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của ông Huỳnh Tấn P1 được pháp luật bảo vệ; bị cáo thực hiện hành vi tảo bạo liều lĩnh, coi thường pháp luật, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt tài sản, đến nay chưa bồi thường cho bị hại nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[5] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, người bào chữa và bị cáo tại phiên tòa.

[6] Đối với ông Đoàn Ngọc Phúc là người mua vàng thô của P để làm nguyên liệu chế tác do không biết vàng của P đem đến bán là có từ việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh không xử lý là có căn cứ. Đối với hành vi đánh bạc trên mạng Internet của bị cáo P, quá trình bỏ trốn P đã vứt bỏ điện thoại nên không nhớ app đã truy cập để đánh bạc ăn thua bằng tiền. Do quá trình điều tra không xác định được P đánh bạc với ai, ứng dụng P sử dụng do tổ chức, cá nhân nào quản lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh không xử lý là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/4/2024.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Huỳnh Tấn P1 số tiền là 2.669.085.708 đồng (hai tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm bảy tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

3. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 85.381.000 đồng (tám mươi lăm triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- CQ THAHS CA.TPHCM (1)
- CQCSĐT –CA.TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa; (1)
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1)
- PV06-CA.TP.HCM (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người bào chữa; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thương Huyền

